

TỪ TƯ TƯỞNG “NƯỚC”, “THIÊN TỬ” CỦA NHO GIÁO ĐẾN TƯ TƯỞNG “NƯỚC”, “QUỐC GIA” CỦA NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Khoa Tuấn

Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
Social Science and Humanities
p-ISSN: 3030-4660
e-ISSN: 3030-4024

Volume: 53

Issue: 3B

***Correspondence:**

tuannk@donga.edu.vn

Received: 23 June 2024

Accepted: 07 August 2024

Published: 20 September 2024

Citation:

Nguyen Khoa Tuan (2024).
From the concept of “state”
and “Son of Heaven” in
Confucianism to the concept of
“state” and “nation” in
Nguyen Trai’s thought.
Vinh Uni. J. Sci.
Vol. 53 (3B), pp. 61-71
doi: 10.56824/vujs.2024b082b

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an
Open Access article distributed
under the terms of the [Creative
Commons Attribution License](#)
(CC BY NC), which permits
non-commercially to share
(copy and redistribute the
material in any medium) or
adapt (remix, transform, and
build upon the material),
provided the original work is
properly cited.

Bài viết phân tích sự chuyển biến trong tư tưởng chính trị Việt Nam từ quan niệm “nước” gắn liền với “thiên tử” của Nho giáo đến tư tưởng “quốc gia” của Nguyễn Trãi. Trọng tâm là so sánh tư tưởng Nho giáo, vốn coi “nước” là một phần trong hệ thống cai trị của “thiên tử”, với quan niệm của Nguyễn Trãi, người đã mở rộng khái niệm “nước” thành tư tưởng quốc gia độc lập, khẳng định Đại Việt là một quốc gia có chủ quyền riêng biệt. Nghiên cứu cũng làm rõ sự kế thừa và phát triển tư tưởng “nước” và “quốc gia” của Nguyễn Trãi về chủ quyền dân tộc, tư tưởng “trị nước”, triết lý “nhân nghĩa”, và cách tiếp cận trong quan hệ bang giao. Bằng phương pháp lịch sử và logic, bài viết chứng minh sự phát triển tư tưởng của Nguyễn Trãi, đồng thời làm sáng tỏ những đóng góp độc đáo của ông trong việc xây dựng tư tưởng quốc gia của Đại Việt. Kết quả dự kiến khẳng định tầm nhìn vượt thời đại của Nguyễn Trãi và cung cấp cái nhìn sâu sắc về quá trình hình thành tư tưởng độc lập và chủ quyền trong lịch sử Việt Nam.

Từ khóa: Nguyễn Trãi; Nho giáo; Đại Việt; quốc gia; lãnh thổ.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng Đông Á, khái niệm “nước” gắn liền với “thiên tử” đã đóng vai trò quan trọng, phản ánh ảnh hưởng sâu rộng của Nho giáo. Những khái niệm này không chỉ là nền tảng quản trị mà còn là tiêu chuẩn đạo đức cho lãnh đạo và trí thức. Mục tiêu của các nhà Nho là “chuyển biến xã hội và con người từ trạng thái tiêu cực, thiếu tổ chức sang trạng thái tích cực, có trật tự và đạo đức, nhằm xây dựng một xã hội lý tưởng theo quan điểm Nho giáo” (T. B. Nguyễn và cs., 2018). Tuy nhiên, vào thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã thực hiện một sự cách tân sâu sắc đối với những tư tưởng này. Ông không chỉ kế thừa mà còn đổi mới tư tưởng Nho giáo để phù hợp với bối cảnh Việt Nam thời bấy giờ, “vị trí đó có được là do đức độ, tài năng và tư tưởng của ông không chỉ đạt tới tầm cao của thời đại mà còn mang tính vượt trước” (Phạm và cs., 2019).

Sự chuyển mình từ quan niệm “nước” gắn liền với “thiên tử” của Nho giáo phát triển lên tư tưởng “nước” và “quốc gia” của Nguyễn Trãi đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tư duy chính trị Việt Nam, phản ánh sự sáng tạo và khả năng thích ứng của trí tuệ Việt. Quá trình này mở ra các câu hỏi quan trọng: Nguyễn Trãi đã kế thừa và phát triển tư tưởng

Nho giáo về “nước” và “thiên tử” như thế nào? Những yếu tố lịch sử nào đã thúc đẩy sự chuyển biến từ “thiên tử” sang “quốc gia” trong tư tưởng của ông? Quan niệm mới về “nước” và “quốc gia” của ông đã ảnh hưởng như thế nào đến ý thức quốc gia và chính sách đối ngoại của Việt Nam? Sự cách tân của Nguyễn Trãi không chỉ là điều chỉnh lý thuyết mà còn là xây dựng nền tảng tư tưởng phù hợp với bối cảnh lịch sử và nhu cầu dân tộc. Tư tưởng của ông đã tạo ra một khung nhìn mới về “quốc gia”, vượt ra khỏi giới hạn của khái niệm “thiên tử” truyền thống, phản ánh tinh thần tự cường và góp phần định hình bản sắc, chiến lược chính trị của Việt Nam. Nghiên cứu những đóng góp này giúp hiểu rõ vai trò của Nguyễn Trãi trong việc xây dựng ý thức quốc gia và chính sách đối ngoại của Việt Nam, cũng như giá trị lâu dài của di sản tư tưởng dân tộc trong việc chuyển đổi từ mô hình “thiên tử” sang quan niệm “quốc gia” độc lập.

2. Tư tưởng “nước”, “thiên tử” trong Nho giáo

Nho giáo, bắt nguồn từ giáo lý của Khổng Tử (551-479 TCN), phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc (thế kỷ VII-III TCN), khi xã hội Trung Hoa chuyển từ chế độ nô lệ sang phong kiến. Trong bối cảnh xã hội và chính trị đầy biến động ấy, học thuyết này không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn xây dựng một hệ thống triết lý và đạo đức nhằm duy trì trật tự xã hội và hướng tới một mô hình quản trị lý tưởng dựa trên các nguyên tắc đạo đức và nhân văn. Trong quá trình phát triển, Nho giáo đã có ảnh hưởng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia phương Đông, bao gồm cả Việt Nam, với tác động tích cực và rõ rệt trên nhiều phương diện như triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo giúp đời, lý tưởng về một xã hội bình trị, đặc biệt là tư tưởng độc đáo về “nước” và “thiên tử”.

Khái niệm “nước” (國, quốc) trong Nho giáo không chỉ đơn thuần được hiểu là một đơn vị địa lý hay chính trị, mà còn mang ý nghĩa sâu sắc hơn, bao gồm cả yếu tố đạo đức, văn hóa và xã hội. Theo Khổng Tử, “nước” không chỉ là một lãnh thổ được cai trị, mà còn là nơi tập trung các giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa và mối quan hệ giữa con người trong một hệ thống chính trị lý tưởng. Nói cách khác, “nước” được xem như “một thực thể tổng hòa, bao gồm lãnh thổ, dân cư và hệ thống giá trị đạo đức” (Đình và cs., 1998). Điều này phản ánh quan điểm của Khổng Tử về sự gắn kết giữa chính trị và đạo đức, với mục tiêu là xây dựng một xã hội hài hòa và ổn định dựa trên nền tảng luân lý.

Trong triết lý Nho giáo, một quốc gia phải được xây dựng và duy trì trên nền tảng của đức trị, tức là cai trị bằng đạo đức và nhân nghĩa, thay vì dựa vào quyền lực hoặc sự cưỡng ép qua pháp luật nghiêm ngặt. Khổng Tử quan niệm rằng một “nước” lý tưởng “phải được cai trị bằng đức (德治, đức trị) thay vì bằng luật pháp nghiêm khắc” (Lê, 2006). Đức trị không chỉ là việc nhà lãnh đạo hành động một cách nhân từ mà còn bao gồm việc xây dựng và củng cố các giá trị đạo đức trong xã hội, từ đó tạo ra sự ổn định lâu dài. Khổng Tử cho rằng nếu người lãnh đạo có đức hạnh, nhân từ và chính trực thì không cần dùng đến quyền lực cưỡng chế; người dân sẽ tự động tuân theo và kính trọng người lãnh đạo đó. Điều này được thể hiện qua câu nói nổi tiếng trong Luận Ngữ: “Dùng đức để trị nước, ví như sao Bắc Đẩu, nó đứng yên tại chỗ, còn các ngôi sao khác đều hướng về nó” (Khổng Tử, 2006).

Khi bàn về “nước”, Nho giáo đã phác họa một cấu trúc xã hội - chính trị có tính hệ thống về mối quan hệ giữa “nhà” (gia), “nước” (quốc) và “thiên hạ”. Trong quan niệm này,

ba thực thể này được xem như một thể thống nhất, không thể tách rời, trong đó mỗi cấp độ đều bắt nguồn từ cấp độ nhỏ hơn, theo nguyên lý “tề gia - trị quốc - bình thiên hạ”. Đây là một cách tiếp cận toàn diện, cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa phát triển cá nhân và sự ổn định, thịnh vượng của xã hội rộng lớn hơn. Nho giáo cho rằng “thiên hạ” bắt nguồn từ “nước”, “nước” bắt nguồn từ “nhà”, và “nhà” bắt nguồn từ bản thân mỗi cá nhân: “gốc của thiên hạ là quốc gia, gốc của quốc gia là gia tộc và nhà cửa, gốc của gia tộc và nhà cửa là chính bản thân mình vậy” (Dương và cs., 2003). Điều này tạo nên một chuỗi liên kết chặt chẽ, trong đó “nước” được xem như sự mở rộng của “nhà”. Khái niệm “quốc” và “gia” thường được sử dụng đồng nghĩa, phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa gia đình và quốc gia. Mạnh Tử nhấn mạnh rằng muốn trị quốc, trước hết phải biết tề gia. Điều này ngụ ý rằng kỹ năng quản lý gia đình là nền tảng cho việc cai trị đất nước. Theo đó, quyền cai trị quốc gia thuộc về những người có đức độ, được trời ban cho sứ mệnh và giỏi việc quản lý gia đình. Trong bối cảnh này, “nước” không chỉ đơn thuần là lãnh thổ, mà còn ám chỉ nhà nước - một cơ cấu quyền lực tập trung vào tay vua chúa, gia tộc và tông tộc của họ. Hệ thống này, còn được gọi là triều đình, thể hiện quyền lực chuyên chế của cá nhân vua và dòng họ hoàng tộc. Qua đó, Nho giáo xây dựng một hệ thống tư tưởng toàn diện, liên kết chặt chẽ giữa cá nhân, gia đình, quốc gia và thiên hạ, tạo nên một trật tự xã hội và chính trị đặc trưng của phương Đông cổ đại.

Khái niệm “Thiên tử” (天子) trong Nho giáo đóng vai trò trọng yếu trong lý thuyết chính trị và đạo đức truyền thống Trung Hoa. “Thiên tử” có nghĩa đen là “con của Trời”, mang ý nghĩa rằng người cai trị có quyền lực chính danh nhờ vào sự trao quyền từ Trời (Thiên mệnh). Tuy nhiên, khái niệm này không chỉ đơn thuần là sự xác nhận quyền lực tối cao mà còn bao hàm trách nhiệm và nghĩa vụ của vua đối với dân chúng. Học thuyết Thiên mệnh (天命, thiên mệnh) cho rằng quyền cai trị của vua bắt nguồn từ ý trời và “vua được Trời ban cho quyền cai trị” (T. K. Trần, 2003). Khái niệm này khẳng định rằng quyền cai trị của vua được xem như một ân sủng từ Trời, tạo ra một nền tảng tâm linh cho sự chính đáng của quyền lực. Nho giáo cho rằng “Vạn vật bản hồ thiên” (Quang, 1994), tức là vạn vật đều do trời mà sinh ra. Theo quan niệm này, “thiên tử” không chỉ là người cầm quyền mà còn là người thực hiện ý trời, phải đảm bảo sự thịnh vượng và hòa bình cho dân chúng. Tuy nhiên, vị thế của “thiên tử” không phải là tuyệt đối hay vĩnh viễn. “Nếu một vị vua không cai trị bằng đức, không đảm bảo phúc lợi cho dân, hoặc thất bại trong việc duy trì trật tự xã hội, thì Trời có thể rút lại “Thiên mệnh” và chuyển giao quyền lực cho một người khác xứng đáng hơn” (N. Phan, 2002). Điều này phản ánh quan điểm rằng quyền lực phải gắn liền với trách nhiệm và đạo đức. Như vậy, “Thiên mệnh” không chỉ là một quyền lực thiêng liêng mà còn là một hợp đồng xã hội giữa người cai trị và dân chúng.

Mạnh Tử, học trò của Khổng Tử, đã phát triển tư tưởng của Nho giáo bằng cách nhấn mạnh vai trò của dân chúng. Ông cho rằng: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, nghĩa là “Dân là quý nhất, xã tắc thứ nhì, vua là nhẹ nhất” (Mạnh Tử, 2011). Câu nói này ngụ ý rằng, dù vua nắm quyền lực tối cao, trách nhiệm chính của vua là phục vụ lợi ích của dân. Mạnh Tử đã khẳng định rằng dân chúng là trung tâm của mọi quyết định chính trị, điều này không chỉ tạo ra một hệ thống lãnh đạo công bằng mà còn xây dựng một xã hội hòa hợp và thịnh vượng. Trong hệ thống quản lý quốc gia theo Nho giáo, vua thiết lập một bộ máy quan lại từ trung ương đến địa phương, bao gồm các thành viên hoàng tộc

và học giả Nho gia, “được tuyển chọn qua các kỳ thi” (N. Phan, 2002). Mặc dù “Nho giáo ủng hộ quyền lực tuyệt đối của vua, xem vua như “cha chung” của muôn dân, nhưng đồng thời cũng yêu cầu cao về đạo đức và trách nhiệm đối với người cầm quyền” (Quang, 1994).

Thuyết “Thiên mệnh” và tư tưởng an phận trong Nho giáo đã ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tinh thần của người dân Trung Hoa và các nước chịu ảnh hưởng Nho giáo qua nhiều thế kỷ. “Quan niệm thiên mệnh” của Khổng Tử “được Mạnh Tử hệ thống hóa thành triết học duy tâm trong hệ thống tư tưởng Nho giáo” (Trung tâm Khoa học xã hội nhân văn Quốc gia, 2003). Bản chất của học thuyết này nhằm tạo ra sự cam chịu với hiện trạng xã hội, hạn chế khát vọng thay đổi số phận cá nhân, và kiềm chế tinh thần đấu tranh của quần chúng. Bằng cách khuyến khích người dân chấp nhận vị trí xã hội như sự sắp đặt của trời, nó đã góp phần duy trì trật tự xã hội hiện hữu, đồng thời kìm hãm động lực phát triển và khả năng vươn lên của con người.

Qua phân tích về tư tưởng “nước” gắn liền với “thiên tử” trong Nho giáo, ta nhận thấy học thuyết này tập trung vào việc củng cố quyền lực của nhà vua, đặt nhà vua ở vị trí tối cao với quyền lực tuyệt đối, trong khi vẫn giữ mối liên hệ chặt chẽ với đạo đức và trách nhiệm. Tuy nhiên, học thuyết này chưa đánh giá cao vai trò của người dân trong việc tạo dựng lịch sử, khiến quyền lực dường như bị giới hạn trong tay tầng lớp cầm quyền. Mặc dù có những hạn chế nhất định, tư tưởng này lại phù hợp với bối cảnh Trung Hoa cổ đại, khi nhu cầu thống nhất lãnh thổ và xây dựng một chính quyền trung ương mạnh mẽ là điều thiết yếu. Nho giáo, với hệ thống triết lý về đức trị và thuyết “thiên mệnh”, đã cung cấp cơ sở lý luận vững chắc cho sự hình thành và duy trì chế độ phong kiến tập quyền, đáp ứng được yêu cầu chính trị và xã hội của thời kỳ ấy. Thông qua đó, Nho giáo không chỉ góp phần duy trì trật tự xã hội mà còn định hình nền tảng triết học và đạo đức trong các xã hội chịu ảnh hưởng sâu rộng từ học thuyết này.

3. Tư tưởng về “nước” và “quốc gia” trong lịch sử và Nguyễn Trãi

3.1. Tư tưởng “nước” và “quốc gia” trong lịch sử dân tộc

Lịch sử lâu dài và cuộc đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm của Việt Nam đã định hình bản sắc dân tộc và tạo nên một nhà nước vững mạnh, phản ánh rõ rệt tinh thần độc lập và khát vọng tự chủ của người Việt. Khái niệm “nước” trong tư duy chính trị Việt Nam đã trải qua một quá trình phát triển sâu rộng, “phản ánh sự tiến hóa của ý thức dân tộc qua các thời kỳ lịch sử” (Q. V. Trần, 2000). Ngay từ thời kỳ Bắc thuộc, ý thức về “nước” đã manh nha, như thể hiện qua cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm 40. Cuộc khởi nghĩa này không chỉ là một hành động chống lại ách đô hộ ngoại bang, “mà còn là biểu tượng cho sự hình thành sớm của ý thức dân tộc và khát vọng quốc gia độc lập” (V. D. Phan và cs., 1991). Hai nữ tướng đã đặt lợi ích quốc gia lên trên cả gia đình và bản thân, minh chứng cho tinh thần yêu nước và ý chí độc lập mạnh mẽ của người Việt ngay từ buổi đầu dựng nước.

Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, ý thức về “bờ cõi” và sự tự chủ của đất Giao Châu tiếp tục được hun đúc và bồi đắp qua nhiều thế hệ hào kiệt và các cuộc dấy binh chống ngoại xâm. Trong số những bậc anh hùng hào kiệt ấy, không thể không nhắc đến Lý Bí (sau này là Lý Nam Đế), người đã hô hào nghĩa quân nổi dậy chống lại ách cai trị của nhà Lương và lập nên nước Vạn Xuân vào đầu thế kỷ VI. Việc lập quốc của Lý Bí

không chỉ là sự tiếp nối tinh thần độc lập của Hai Bà Trưng, mà còn đánh dấu bước tiến mới trong ý thức về một quốc gia riêng biệt của người Việt cổ. Tiếp theo đó là các triều đại như Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn, những người đã xây dựng và củng cố nền tảng của Đại Cồ Việt, khẳng định sự độc lập và chủ quyền qua các cuộc chiến chống lại các thế lực ngoại xâm. Đinh Bộ Lĩnh, với việc thống nhất đất nước và tự xưng Hoàng đế vào năm 968, đã đánh dấu sự hình thành của nhà nước độc lập, trong khi Lê Hoàn với chiến thắng trong trận chiến chống lại quân Tống đã bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.

Vào thế kỷ XII, sử gia Lê Văn Hưu đã kết hợp “nước” với các biểu tượng thiêng liêng của quyền lực và tín ngưỡng, xem đó là “nhà tông miếu, nền xã tắc” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1697, 1993). Đến thế kỷ XIII, tư tưởng về “nước” tiếp tục được phát triển mạnh mẽ qua các triều đại Trần. Trần Quốc Tuấn, với tài năng quân sự và chiến lược, đã bảo vệ thành công Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên. Các tác phẩm của ông, chẳng hạn như “Hịch tướng sĩ,” đã khẳng định chủ quyền và tinh thần dân tộc, củng cố ý thức về bảo vệ độc lập quốc gia. Trần Quốc Tuấn mở rộng định nghĩa, bao gồm cả các yếu tố vật chất như “thái ấp, bổng lộc” và công trình tâm linh như “đền đài, miếu mạo”.

Bên cạnh đó, mô hình Điền trang - Thái ấp thời Trần không chỉ là một hệ thống kinh tế - xã hội đơn thuần, mà còn là hiện thân sinh động cho tư tưởng quốc gia đang định hình. Từ nền tảng vật chất của ruộng đất và tài nguyên, nó kiến tạo nên một cấu trúc quyền lực vững chắc, nơi lợi ích của tầng lớp quý tộc gắn kết chặt chẽ với vận mệnh đất nước. Hơn thế, các Điền trang - Thái ấp còn là những pháo đài tinh thần, nơi hội tụ sức mạnh quân sự để bảo vệ bờ cõi và nuôi dưỡng văn hóa dân tộc qua việc xây dựng đền đài, miếu mạo. Qua đó, khái niệm “nước” được thăng hoa từ ý niệm trừu tượng thành một thực thể sống động, bao trùm cả yếu tố vật chất lẫn tinh thần, phản ánh một tư duy quốc gia toàn diện và sâu sắc của triều đại Trần.

Tóm lại, dù các quan điểm về “nước” đã dần phát triển qua các thời kỳ, trước thời Nguyễn Trãi, nó đã góp phần hình thành ý thức về “bờ cõi” và sự tự chủ. Những quan niệm này vẫn còn hạn chế trong việc xem xét khái niệm “nước” một cách toàn diện. Các tư tưởng thời kỳ này chưa hoàn toàn bao quát được chiều sâu của sự phát triển liên tục về văn hóa, xã hội và chính trị, cũng như chưa thể hiện đầy đủ ý nghĩa của độc lập và chủ quyền quốc gia. Chỉ khi đến Nguyễn Trãi, những hạn chế này mới được khắc phục. Ông đã hoàn thiện và nâng cao khái niệm “nước,” tích hợp yếu tố văn hóa, lịch sử và chủ quyền, xây dựng một tư tưởng quốc gia dân tộc toàn diện. Nguyễn Trãi không chỉ tiếp nối tinh thần độc lập, tự chủ mà còn định hình quan niệm quốc gia với văn hóa bản địa, lịch sử đấu tranh và chủ quyền lãnh thổ rõ rệt, tạo nền tảng cho sự phát triển tư tưởng chính trị Việt Nam sau này.

3.2. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng “nước” và “quốc gia” của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi (1380-1442) là một trong những nhân vật lịch sử vĩ đại và có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong lịch sử Việt Nam. Ông là nhà chính trị, quân sự, nhà thơ và nhà văn hóa nổi tiếng, có vai trò quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống lại ách đô hộ của nhà Minh, từ đó đưa Đại Việt trở lại thời kỳ độc lập sau gần 20 năm bị đô hộ. Tư tưởng của Nguyễn Trãi về “nước” và “quốc gia” được phát triển dựa trên nền tảng Nho giáo, một triết lý nhấn mạnh vào đạo đức, nhân nghĩa và trung hiếu. Nguyễn Trãi mở rộng những

khái niệm này, phát triển thành một hệ thống tư tưởng toàn diện và sâu sắc hơn, biến chúng thành các nguyên tắc chỉ đạo cho công cuộc xây dựng và bảo vệ một quốc gia độc lập, tự cường. Bài viết này sẽ phân tích sự kế thừa và phát triển tư tưởng về “nước” và “quốc gia” của Nguyễn Trãi từ Nho giáo qua các khía cạnh: tư tưởng về chủ quyền dân tộc, quan điểm về “trị nước”, triết lý “nhân nghĩa” và cách tiếp cận trong quan hệ bang giao.

3.2.1 Kế thừa tư tưởng Nho giáo về “nước” và “quốc gia”

Không chỉ đơn thuần như trong Nho giáo truyền thống, nơi “nước” được xem là sự mở rộng về mặt lãnh thổ, Nguyễn Trãi đã kế thừa và phát triển khái niệm này lên một mức cao hơn. Theo ông, “nước” còn bao hàm việc đề cao vai trò của nhân dân, thể hiện sự độc lập, chủ quyền và bản sắc dân tộc. Trong quan điểm của Nguyễn Trãi, “nước” không chỉ là một phần mở rộng của gia đình như trong Nho giáo cổ điển, mà còn mang ý nghĩa rộng lớn hơn, bao trùm cả những yếu tố tinh thần và chính trị sâu sắc của một quốc gia độc lập. Ông đã kế thừa và phát triển tư tưởng Nho giáo về “nước” và “quốc gia” một cách sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh Đại Việt. Ông tiếp thu quan điểm về sự thiêng liêng của nhà nước, thể hiện trong “Bình Ngô đại cáo”: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt trước lo trừ bạo” (Nguyễn Trãi, 1976b), nhấn mạnh vai trò của nhà nước trong việc bảo vệ dân chúng và trừ bỏ cái ác. Ông cũng duy trì tư tưởng Nho giáo về vua là “Thiên tử”, khi viết trong “Quân trung từ mệnh tập”: “Trời sinh ra vua, vốn để nuôi dân làm đầu” (Nguyễn Trãi, 1976b), phản ánh trách nhiệm của vua trong việc chăm lo cho dân. Tuy nhiên, điểm nổi bật trong tư tưởng của Nguyễn Trãi là sự chú trọng đến vai trò của nhân dân, kế thừa và phát triển tư tưởng “dân vi quý” của Nho giáo. Ông khẳng định: “Dân là gốc của nước, gốc có vững thì nước mới yên” (“Quân trung từ mệnh tập”), nhấn mạnh rằng quốc gia chỉ có thể ổn định khi chăm lo cho dân. Nguyễn Trãi không chỉ kế thừa tư tưởng về sự thống trị của vua, mà còn đặc biệt đề cao tinh thần nhân nghĩa và độc lập dân tộc, thể hiện rõ trong câu: “Dem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo” (“Bình Ngô đại cáo”). Điều này không chỉ là tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo mà còn là ý chí mạnh mẽ về quyền tự chủ của dân tộc Việt Nam. Nguyễn Trãi đã kế thừa các giá trị cốt lõi của Nho giáo về “nước” và “quốc gia”, đồng thời sáng tạo và phát triển chúng để phù hợp với bối cảnh lịch sử Đại Việt, tạo nên một tư tưởng chính trị mang đậm tính nhân nghĩa và độc lập.

3.2.2. Phát triển tư tưởng về chủ quyền quốc gia

Nguyễn Trãi đã phát triển sâu sắc tư tưởng về chủ quyền quốc gia, tạo nên một tư tưởng chính trị mang đậm bản sắc Việt Nam, vượt ra ngoài khuôn khổ truyền thống của Nho giáo. Tư tưởng này được thể hiện rõ nét qua ba khía cạnh chính. Thứ nhất, Nguyễn Trãi khẳng định mạnh mẽ tính độc lập và chủ quyền của Đại Việt. Trong “Bình Ngô đại cáo”, ông viết: “Nhu nước Đại Việt ta từ trước / Vốn xưng nền văn hiến đã lâu / Sơn hà cương vực đã chia / Phong tục Bắc Nam cũng khác” (Nguyễn Trãi, 1976b). Qua đó, ông không chỉ đề cao truyền thống văn hiến lâu đời mà còn nhấn mạnh sự khác biệt về địa lý, văn hóa giữa Đại Việt và phương Bắc, từ đó khẳng định chủ quyền riêng biệt của dân tộc. Điều này thể hiện một bước tiến quan trọng trong tư duy chính trị Việt Nam thời bấy giờ, khi mà quan niệm về “thiên hạ” và “Trung Hoa” vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm. Nguyễn Trãi đã mạnh dạn khẳng định vị thế ngang hàng của Đại Việt, không phải là một chư hầu hay phiên thuộc của bất kỳ quốc gia nào khác. Thứ hai, Nguyễn Trãi bác bỏ quan hệ thần phục và chống lại sự xâm lược của ngoại bang. Trong “Đại cáo bình Ngô”, ông viết: “Dem đại

nghĩa để thắng hung tàn / Lấy chí nhân để thay cường bạo” (Nguyễn Trãi, 1976b). Luận điểm này thể hiện quan điểm sử dụng chính nghĩa để chống lại sự xâm lược, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đây không chỉ là một tuyên ngôn chính trị mà còn là một triết lý sâu sắc về cách thức bảo vệ chủ quyền. Nguyễn Trãi nhấn mạnh rằng sức mạnh của một quốc gia không chỉ nằm ở quân sự mà còn ở chính nghĩa và đạo đức. Ông cũng chỉ trích sự tàn bạo của giặc Minh: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn / Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ” (Nguyễn Trãi, 1976b). Qua đó, ông lên án mạnh mẽ hành vi xâm phạm chủ quyền của ngoại bang. Bằng cách này, Nguyễn Trãi không chỉ khẳng định quyền tự vệ chính đáng của Đại Việt mà còn vạch trần bản chất phi nghĩa của hành vi xâm lược, từ đó củng cố thêm tính chính danh cho cuộc kháng chiến bảo vệ chủ quyền. Thứ ba, Nguyễn Trãi nhấn mạnh vai trò của lãnh thổ trong việc xác lập chủ quyền quốc gia. Trong “Du địa chí”, ông mô tả chi tiết về địa lý, biên giới của Đại Việt: “Bờ cõi nước ta, phía đông giáp biển, phía tây giáp Ba Thục, phía bắc giáp Lương Quảng, phía nam giáp Chiêm Thành” (Nguyễn Trãi, 1976b). Việc xác định rõ ràng biên giới quốc gia thể hiện ý thức mạnh mẽ về chủ quyền lãnh thổ. Điều này không chỉ có ý nghĩa về mặt địa lý mà còn thể hiện một tư duy tiến bộ về quốc gia-dân tộc. Bằng cách xác định rõ ràng biên giới, Nguyễn Trãi đã góp phần xây dựng một khái niệm cụ thể về lãnh thổ quốc gia, một yếu tố quan trọng trong việc xác lập và bảo vệ chủ quyền.

Nguyễn Trãi đã phát triển tư tưởng về chủ quyền quốc gia một cách toàn diện và sâu sắc. Ông không chỉ khẳng định tính độc lập của Đại Việt và chống lại sự xâm lược, mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của lãnh thổ trong việc xác lập chủ quyền. Tư tưởng của ông vượt ra khỏi khuôn khổ Nho giáo, thể hiện tinh thần tự chủ và ý thức dân tộc sâu sắc. Hơn nữa, ông đề cao vai trò của nhân dân trong việc xây dựng và củng cố chủ quyền, với quan điểm tiến bộ “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”. Tư tưởng này không chỉ bảo vệ quyền độc lập mà còn đặt nền tảng cho một quốc gia tự chủ, dựa trên sự hòa hợp giữa lãnh thổ, dân tộc và chính nghĩa.

3.2.3. Tư tưởng về “trị nước” của Nguyễn Trãi

Tư tưởng trị nước của Nguyễn Trãi là sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng Nho giáo và thực tiễn của Việt Nam, tạo nên một hệ tư tưởng vừa có tính nhân bản sâu sắc, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Đại Việt. Nguyễn Trãi, trước hết, kế thừa tư tưởng của Khổng Tử, coi đạo đức là nền tảng cốt lõi để trị nước. Ông cho rằng việc trị nước cần dựa trên nguyên tắc nhân nghĩa và đạo đức. Trong “Bình Ngô đại cáo”, ông viết: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân mà thay cường bạo” (Nguyễn Trãi, 1976b). Ông coi đức trị là yếu tố cốt lõi để xây dựng một quốc gia vững mạnh và ổn định, trong đó, việc hành xử nhân nghĩa không chỉ để bảo vệ đất nước mà còn tạo ra sự gắn kết giữa triều đình và nhân dân.

Nguyễn Trãi cũng đặc biệt chú trọng việc chọn người hiền tài để giúp nước, kế thừa quan niệm của Nho giáo về vai trò của hiền tài trong việc cai trị quốc gia. Trong “Quân trung từ mệnh tập”, ông nhấn mạnh: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì nước mạnh, nguyên khí suy thì nước yếu” (Nguyễn Trãi, 1976b). Ông cho rằng người lãnh đạo cần biết tìm kiếm và trọng dụng những người có tài năng và đạo đức để phò tá, giúp vua trị nước và giữ gìn ổn định đất nước. Điều này thể hiện rõ tư tưởng trọng nhân tài của ông, xem đó là yếu tố quyết định sự phát triển của quốc gia.

Cuối cùng, Nguyễn Trãi đặc biệt coi trọng việc chăm lo đời sống nhân dân, đây là điểm sáng trong tư tưởng trị nước của ông, thể hiện sự sáng tạo và phù hợp với điều kiện

của Đại Việt. Ông viết trong “Quân trung từ mệnh tập”: “Dân là gốc của nước, gốc có vững thì nước mới yên” (Nguyễn Trãi, 1976b), nhấn mạnh vai trò của nhân dân như một yếu tố quyết định trong sự ổn định và phát triển của quốc gia. Nguyễn Trãi cho rằng việc chăm lo đời sống nhân dân, đảm bảo cho dân có cuộc sống an bình, no ấm là trách nhiệm cốt lõi của nhà nước. Ông không chỉ dừng lại ở việc thực thi chính sách từ trên xuống mà còn đề cao sự thấu hiểu, đồng cảm với dân chúng, xem nhân dân là nguồn sức mạnh to lớn giúp bảo vệ và phát triển đất nước.

Như vậy, tư tưởng trị nước của Nguyễn Trãi đã kết hợp nhuần nhuyễn tinh hoa của Nho giáo với điều kiện thực tiễn của Đại Việt, tạo nên một triết lý cai trị dựa trên đạo đức, nhân tài và nhân dân, đưa đất nước đến sự ổn định và phát triển bền vững.

3.2.4. Tư tưởng “nhân nghĩa” của Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi đã phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo theo một hướng mới, gắn chặt với lợi ích dân tộc và đưa nhân nghĩa từ phạm vi đạo đức cá nhân trở thành nguyên tắc trị nước. Ông không chỉ coi nhân nghĩa là chuẩn mực đạo đức trong mối quan hệ giữa con người với nhau, mà còn nâng nó lên thành chiến lược chính trị và quân sự, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của Đại Việt.

Trước hết, Nguyễn Trãi nhấn mạnh rằng nhân nghĩa không chỉ là đạo đức cá nhân mà còn là nguyên tắc trị nước. Trong “Bình Ngô đại cáo”, ông viết: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo” (Nguyễn Trãi, 1976b). Câu này thể hiện tư tưởng nhân nghĩa không chỉ nằm ở việc làm điều thiện cho cá nhân mà còn phải gắn liền với mục tiêu to lớn hơn là bảo vệ và ổn định đời sống của nhân dân, trị quốc bằng cách tiêu diệt những thế lực xấu xa, bạo ngược. Nhân nghĩa đã được Nguyễn Trãi phát triển thành nguyên tắc để đảm bảo sự thịnh vượng và ổn định của quốc gia.

Thứ hai, Nguyễn Trãi đã sử dụng nhân nghĩa như một chiến lược chính trị và quân sự trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Ông nhận ra rằng sức mạnh của quân đội không chỉ nằm ở vũ khí và lực lượng mà còn ở sự ủng hộ của nhân dân và tinh thần chính nghĩa. Trong “Bình Ngô đại cáo”, ông khẳng định: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân mà thay cường bạo” (Nguyễn Trãi, 1976b). Nhân nghĩa ở đây trở thành một công cụ chiến lược để đối phó với kẻ thù mạnh hơn, không chỉ bằng sức mạnh quân sự mà còn bằng sức mạnh của lòng dân và tinh thần chính nghĩa. Điều này thể hiện sự khác biệt lớn trong tư tưởng của Nguyễn Trãi so với Nho giáo truyền thống, khi ông đã kết hợp nhân nghĩa với thực tiễn quân sự và chính trị. Việc sử dụng nhân nghĩa không chỉ là sự bảo vệ đạo đức truyền thống mà còn là cách để Nguyễn Trãi tạo ra sự ủng hộ rộng rãi từ nhân dân, qua đó biến sức mạnh dân tộc thành lợi thế trong các cuộc chiến tranh giành độc lập. Tư tưởng này không chỉ là lý thuyết mà còn được thực hiện một cách hiệu quả trong suốt cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Như vậy, Nguyễn Trãi đã phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo thành một triết lý trị nước và chiến lược quân sự thực tiễn, gắn kết chặt chẽ với lợi ích dân tộc. Ông không chỉ giữ vững những giá trị đạo đức truyền thống mà còn sáng tạo và áp dụng chúng vào hoàn cảnh lịch sử của Đại Việt, nhằm bảo vệ và phát triển đất nước một cách bền vững. Đáng chú ý, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn được mở rộng đến cả đối với kẻ xâm lược, cụ thể là giặc Minh. Trong chiến lược đánh đuổi quân Minh, ông chủ trương kết hợp giữa sức mạnh quân sự và chính sách khoan hồng, thể hiện qua việc cho phép quân Minh đầu hàng được an toàn rút về nước. Chính sách này không chỉ thể hiện tính nhân đạo

cao cả mà còn là một chiến lược thông minh, giúp giảm thiểu thương vong và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết thúc chiến tranh, đồng thời tạo nền tảng cho mối quan hệ hòa bình giữa hai nước sau này.

3.2.5. Tư tưởng Nguyễn Trãi trong bang giao

Nguyễn Trãi đã vận dụng linh hoạt tư tưởng Nho giáo về “lễ nghĩa” trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là trong việc xây dựng chính sách đối ngoại với các nước láng giềng. Ông chủ trương hòa hiếu với các nước trên cơ sở bình đẳng, thể hiện tư tưởng ngoại giao khôn khéo và thấu hiểu bối cảnh thực tiễn của Đại Việt. Trong “Bình Ngô đại cáo”, ông viết: “Nhu nước Đại Việt ta từ trước, vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác” (Nguyễn Trãi, 1976b), cho thấy rõ sự khẳng định của Nguyễn Trãi về bản sắc và độc lập văn hóa, lãnh thổ của Đại Việt. Đồng thời, câu này ngụ ý rằng quan hệ ngoại giao phải dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau, không có sự áp đặt hay thân phục từ một bên.

Nguyễn Trãi cũng không chấp nhận quan hệ thân phục một chiều với các nước lớn, đặc biệt là Trung Hoa. Mặc dù tôn trọng văn hóa và chính trị của Trung Quốc, ông vẫn kiên quyết duy trì sự độc lập của Đại Việt. Điều này được thể hiện qua việc ông sử dụng lễ nghĩa Nho giáo để thiết lập quan hệ ngoại giao mềm dẻo, nhưng không khuất phục trước sự thống trị từ bên ngoài. Trong “Quân trung từ mệnh tập,” ông khẳng định: “Giữ vững quốc gia không chỉ là quyền lợi của vua chúa mà còn là trách nhiệm của toàn dân” (Nguyễn Trãi, 1976b). Qua đó, Nguyễn Trãi truyền tải quan điểm rằng sự độc lập của một quốc gia không chỉ nằm ở ngoại giao mà còn phải dựa trên sức mạnh nội tại của cả dân tộc.

Tư tưởng của Nguyễn Trãi về quyền bình đẳng giữa các quốc gia không chỉ bảo vệ độc lập dân tộc mà còn phản ánh sự tôn trọng lẫn nhau giữa các quốc gia, thể hiện một quan điểm tiến bộ và hiện đại. Đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: “Nguyễn Trãi: danh nhân kiệt xuất, tài năng đa diện. Văn võ song toàn, đóng góp to lớn cho dân tộc. Người anh hùng mang lại hòa bình, xóa nhọc ngoại xâm. Một nhân vật vĩ đại, để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Việt Nam” (*Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, 1980). Như vậy, Nguyễn Trãi đã vận dụng “lễ nghĩa” Nho giáo một cách sáng tạo trong quan hệ quốc tế, vừa giữ được sự hòa hiếu với các nước, vừa bảo vệ chủ quyền của Đại Việt. Ông không chỉ tiếp thu tư tưởng Nho giáo mà còn phát triển nó theo hướng phù hợp với bối cảnh và quyền lợi dân tộc, thể hiện một tư duy đối ngoại sâu sắc và thực tiễn.

4. Kết luận

Tư tưởng của Nguyễn Trãi, dù xuất hiện từ nhiều thế kỷ trước, vẫn mang giá trị to lớn trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Ông đã kế thừa tư tưởng Nho giáo về “nước” và “thiên tử”, đồng thời phát triển chúng để phù hợp với điều kiện độc lập của Đại Việt. Nguyễn Trãi đã biến khái niệm “nước” từ một phần trong hệ thống “thiên hạ” của Nho giáo thành một quốc gia độc lập, có chủ quyền và bản sắc riêng. Tương tự, quan niệm “thiên tử” được ông mở rộng, không chỉ là người lãnh đạo theo ý trời mà còn phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Sự thay đổi này cho thấy tầm nhìn xa và tư duy chính trị sâu sắc của Nguyễn Trãi, góp phần xây dựng một hệ thống chính trị - xã hội phù hợp với lịch sử và hoàn cảnh dân tộc.

Tinh thần độc lập, tự chủ và ý thức về bản sắc dân tộc trong tư tưởng của ông vẫn là nguồn cảm hứng quan trọng cho chính sách đối ngoại của Việt Nam, đặc biệt trong thời

kỳ hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa như ngày nay. Sự công nhận của UNESCO đối với Nguyễn Trãi như một “Danh nhân văn hóa thế giới” vào năm 1980 minh chứng cho tầm vóc và ảnh hưởng vượt thời đại của ông. Quan điểm của Nguyễn Trãi về chủ quyền quốc gia, bảo tồn văn hóa và sự bình đẳng giữa các quốc gia đã mở đường cho sự phát triển của tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam qua nhiều giai đoạn lịch sử.

Tại Hội nghị cấp cao ASEM 5 ở Hà Nội năm 2004, các nhà lãnh đạo quốc tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì bản sắc văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa: “Nền văn hóa toàn cầu thống nhất trong đa dạng, mỗi dân tộc nhất thiết phải dùng bản sắc riêng của mình” - một quan điểm mà Nguyễn Trãi đã tiên phong từ nhiều thế kỷ trước. Di sản tư tưởng của ông không chỉ có giá trị lịch sử to lớn mà còn tiếp tục sống động, góp phần định hướng cho quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam, đồng thời duy trì và phát huy bản sắc dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương, H., Vương, T. T., Nhiệm, Đ. V., & Lưu, P. (chú dịch). (2003). *Tứ thư*, Trần, T. S., Kiều, B. V. T. (biên dịch). Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân, 2003.
- Đình, G. K., Bùi, D. T., & Mai, C. C. (1998). *Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII*. Hà Nội: NXB Giáo dục, tr. 45-46.
- Khổng Tử. (2006). *Luận Ngữ*, Nguyễn Hiến Lê (biên dịch). Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin, tr. 102.
- Lê, S. T. (2006). *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, tr. 78.
- Mạnh Tử. (2001). *Mạnh Tử*, Nhượng Tống (biên dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học, tr. 156.
- Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Viện Sử học dịch. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, tr. 220-230.
- Nguyễn, T. B., Nguyễn, M. T., & Ngô, T. M. (2018). Tư tưởng của Nho giáo về nhân. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2.
- Nguyễn Trãi. (1976a). *Ức Trai thi tập*. Hà Nội: NXB Văn học, tr. 45, 48, 85-87, 201.
- Nguyễn Trãi. (1976b) *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 89, 112, 118, 211.
- Trên đường tìm hiểu sự nghiệp thơ văn Nguyễn Trãi*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn học, 1980.
- Phan, H. L., Trần, Q. V., Hà, V. T., & Lương, N. (1991). *Lịch sử Việt Nam*, tập 1. Hà Nội: NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, tr. 67.
- Phan, N. (2002). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn học, tr. 89, 123.
- Phạm, V. D., Trần, T. H. N., & Vũ, V. Đ. (2019). Tư tưởng yêu nước của Nguyễn Trãi. *Tạp chí nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ*, số 1(64), 2019.
- Quang, Đ. (1994). *Nho giáo xưa và nay*. Hà Nội: NXB Văn hóa, tr. 89.
- Trần, Q. V. (2000). *Văn hóa Việt Nam: Tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc, tr. 45.

Trần, T. K. (2003). *Nho giáo*. Hà Nội: NXB Văn học, tr. 123-124.

Trung tâm khoa học xã hội nhân văn Quốc gia. (2003). *Bồi dưỡng ngắn hạn về khoa học tôn giáo*. Hà Nội: Viện nghiên cứu tôn giáo, tr. 4.

ABSTRACT

FROM THE CONCEPT OF “STATE” AND “SON OF HEAVEN” IN CONFUCIANISM TO THE CONCEPT OF “STATE” AND “NATION” IN NGUYEN TRAI'S THOUGHT

Nguyen Khoa Tuan

Faculty of Basic Sciences - Dong A University, Da Nang, Vietnam

Received on 23/6/2024, accepted for publication on 07/8/2024

This article analyzes the transformation in Vietnamese political thought from the concept of “state” associated with the “Son of Heaven” in Confucianism to the concept of “nation” in Nguyen Trai's ideology. The focus is on comparing Confucian thought, which regards the “state” as a part of the governance system of the “Son of Heaven,” with Nguyen Trai's perspective, who expanded the notion of “state” into an independent national ideology, affirming Dai Viet as a sovereign nation with its own identity. The study clarifies the inheritance and development of Nguyen Trai's thoughts on “state” and “nation” regarding national sovereignty, the concept of “governing the state,” the philosophy of “humanity and righteousness,” and his approach to diplomatic relations. Using historical and logical methods, the article demonstrates the evolution of Nguyen Trai's thought while illuminating his unique contributions to the construction of the national ideology of Dai Viet. The expected results affirm the timeless vision of Nguyen Trai and provide insights into the formation of the concepts of independence and sovereignty in Vietnamese history.

Keywords: Nguyen Trai; Confucianism; Dai Viet; nation; territory.